

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;
2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai Tr, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; tạm trú: Tổ S, khu phố T, phường K, thị xã U, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; tạm trú: Tổ S, khu phố T, phường K, thị xã U, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai Tr trình bày: Bà Nguyễn Thị Mai Tr và ông Bùi Văn T tự tìm hiểu nhau khoảng một tháng và được cha mẹ hai bên đồng ý nên tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 25 này 23-6-2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và quan tâm đến nhau. Đến khoảng năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất

đồng ý kiến, thường gây gỗ cãi vã không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng sống chung nhà nhưng không tin tưởng nhau, ông T thường xuyên đánh đập bà Tr, do các con còn nhỏ nên bà Tr cố gắng nhẫn nhịn để cho con có một gia đình nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông T không thay đổi tính tình, hay la mắng và chửi xúc phạm bà Tr. Vì vậy, đến năm 2019 bà Tr quyết định dọn ra ngoài để sinh sống nên vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Bà Tr nhận thấy tình cảm không còn, xung đột và mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể đoàn tụ được nữa nên bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Bùi Hữu T, sinh ngày 18-11-1997; Bùi Văn T, sinh ngày 10-01-2000 và Bùi Viết T, sinh ngày 12-10-2009. Khi ly hôn, bà Tr đồng ý để ông Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Viết T; bà Tr không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Bùi Hữu T và Bùi Văn T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Bùi Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đúng quy định pháp luật nhưng ông Tạo không đến Tòa án để làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà Trang.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên. Bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Mai Tr và ông Bùi Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01/98 vào ngày 23-6-2005. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông T. Bà Tr thống nhất để ông T được nuôi dưỡng cho chung tên Bùi Viết T, bà Tr không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Mai Tr có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn T nên đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Bùi Văn T có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 6, khu phố Khánh Thạnh, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai Tr và ông Bùi Văn T quen biết, tự tìm hiểu nhau và chung sống với nhau từ năm 1997. Đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 23-6-2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét mâu thuẫn vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai Tr và ông Bùi Văn T không còn sống chung, vợ chồng tự chăm lo cho cuộc sống của bản thân, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông T hoàn toàn không có thiện chí để Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Xét, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Nguyễn Thị Mai Tr yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn T là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Có 03 con chung tên Bùi Hữu T, sinh ngày 18-11-1997; Bùi Văn T, sinh ngày 10-01-2000 và Bùi Viết T, sinh ngày 12-10-2009. Khi ly hôn, bà Tr đồng ý giao con chung tên Bùi Viết T, sinh ngày 12-10-2009

cho ông Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; bà Tr không cấp dưỡng nuôi con. Con chung Bùi Hữu T và Bùi Văn T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay cháu Bùi Viết T đang do ông Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, tại bản tự khai ngày 19-6-2020 cháu Bùi Viết T có nguyện vọng được ở với ông T. Do đó, việc bà Tr giao con chung tên Bùi Viết T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mai Tr phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai Tr về việc tranh chấp ly hôn với ông Bùi Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai Tr được ly hôn với ông Bùi Văn T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Viết T, sinh ngày 12-10-2009 cho ông Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Bùi Hữu T và Bùi Văn T đã thành niên, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Mai Tr và ông Bùi Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.4 Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mai Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0038121 ngày 15-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Hạnh

